TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023.
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1306/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về " Tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 9 Đường B, ẤP T, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 18A Đường 412, Ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành N, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 74 Đường L, Tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Võ Thành N là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 175 ngày 28/08/2006. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông N không chăm lo gia đình, chỉ lo ăn nhậu rồi về nhà chửi bới xúc phạm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung có 01 con tên: Võ Thành H, sinh ngày 21/6/2003 (đã trưởng thành)

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H tự nguyện chịu.

** Bị đơn ông Võ Thành N vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Võ Thành N là "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"; Bị đơn trong vụ án là ông Võ Thành N hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Thành N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Võ Thành N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 175, ngày 28/8/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H trình bày đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N không chăm lo làm ăn chăm sóc gia đình, chỉ lo ăn nhậu về nhà đánh đập chửi bới vợ con khiến cho hạnh phúc gia đình không còn. Bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác

động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với Bà H là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H đối với ông N.

[4] Về con chung có 01 con là: Võ Thành H, sinh ngày 21/6/2003 (đã trưởng thành)

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H là được ly hôn với ông Võ Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 175, ngày 28/8/2006 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 01 trẻ tên: Võ Thành H, sinh ngày 21/6/2003 (đã trưởng thành)

3. Tài sản chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà H xác định không.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0045384 ngày 05/10/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- UBND xã T, H. Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc